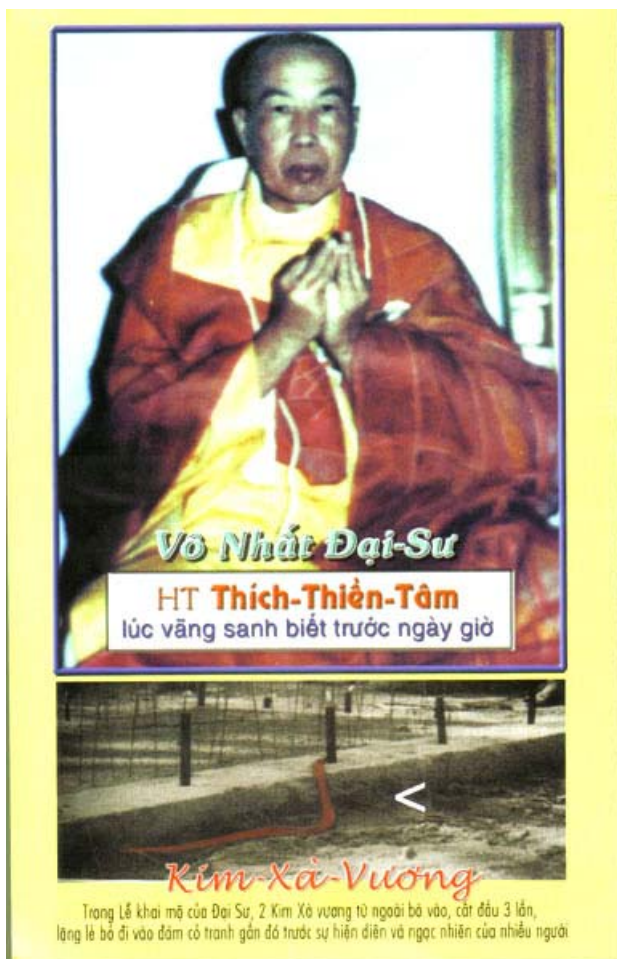


Vô Nhất Đại Sư Thích Thiện Tâm lược truyện



Bửu Quang tự đệ tử LiênHương kính lưc
Nam mô Hương Nghiêm Tịnh Viện, Hương Quang
Tịnh Thất, Phương Liên Tịnh Xứ đường thượng Tam

Tạng Pháp Sư Vô Nhất Thượng Nhân thượng Thiền hạ Tâm húy Trí Hiền Hòa Thượng giác linh tác đại chứng minh.

Thượng Nhân pháp danh Trí Hiền, pháp tự Thiền Tâm, biệt hiệu Vô Nhất, bút hiệu Liên Du, thế danh là Nguyễn Nhựt Thăng, sanh năm Ất Sửu (1926) tại làng Bình Xuân, quận Hòa Đồng, tỉnh Gò Công. Là con thứ mười của cụ Nguyễn Văn Hương, một bậc túc nho, và cụ bà Giác Ân Trần Thị Dung. Trong khi mang thai Đại Sư, cụ bà đột nhiên chăm lo làm công quả tại ngôi chùa nhỏ trong làng. Có lẽ đó là do phước nghiệp của Đại Sư chiêu cảm nên điều này.

Từ thuở nhỏ, Đại Sư đã không thích chạy giỡn, chơi đùa mà thường thích thắp hương, bái xá, và theo thân phụ học chữ Nho. Đến năm lên chín tuổi, Đại Sư đã có thể đọc trôi chảy các sách Nho học như Tứ Thư, các bộ truyện Tàu và viết chữ Hán khá lưu loát. Song song với việc học chữ Hán, Đại Sư còn học tiếng Pháp và chữ Quốc Ngữ.

Từ năm lên bảy tuổi, nhân mục kích cái chết rất trẻ của một thiếu niên trong xóm, Đại Sư đã bắt đầu có những ưu tư về lẽ sống chết. Vào khoảng năm 1935, lúc lên mười tuổi, trong lúc đang cắt cỏ ruộng với thân phụ, chợt Hòa Thượng Phật Ấn, trụ trì chùa Vĩnh Tràng (Mỹ Tho), đi ngang. Đại Sư liền chạy tới ba lượt đánh lễ Hòa Thượng. Hòa Thượng liền huyền ký về sau đưa trẻ kỳ lạ này sẽ

xuất gia và nhắc nhở gia đình không nên ngăn cản.

Cuối năm 1937, sau khi hoàn tất bậc Tiểu Học, Đại Sư xin phép cha lên Mỹ Tho, ngụ tại chùa Vĩnh Tràng để tiếp tục học chữ và Đông Y. Chính trong thời gian này, Đại Sư đã tận dụng thời gian rảnh rỗi để tự trau dồi nội điển cũng như tham học Phật pháp với Bốn Sư Hòa Thượng Phật Ấn. Hòa Thượng đặt cho pháp danh cho Đại Sư là Trí Hiền. Do cơ duyên, Đại Sư cũng được học theo nghề thuốc với một vị Đông Y Sĩ nổi tiếng ở Mỹ Tho thời đó là thầy Tế An Đường và các vị đại phu nổi tiếng khác.

Đến năm 1943, Đại Sư đã lấy được bằng Thành Chung (tương đương Trung Học Đệ Nhất Cấp sau này). Trở về quê nhà, Đại Sư vừa hốt thuốc cho thân mẫu đang lâm bệnh vừa giảng dạy Phật pháp cho song thân và người anh thứ năm. Dưới sự khuyến hóa của Đại Sư, gia đình ngài đã biết thờ Phật và tu niệm.

Năm 1945, sau khi cầu thỉnh xin xuất gia không được song thân chấp nhận, ngài đã lén trốn đi, tìm đến chùa Sắc Tứ Linh Thú ở Xoài Hột để xin xuất gia với Hòa Thượng thượng Thành hạ Đạo. Đại Sư được thọ Sa Di Giới với pháp tự là Thiền Tâm.

Nhận thấy sa di Thích Thiền Tâm sẽ là một bậc long tượng cho Phật Giáo Việt Nam sau này, Hòa Thượng Linh Thú đã thuyết phục Đại Sư lên Sài Gòn, tìm đến

Hòa Thượng viện chủ Tổ Đình Ấn Quang thượng Thiện hạ Hòa để xin gia nhập Phật Học Viện Liên Hải (chùa Sùng Đức) hầu thụ học chương trình Trung Đẳng Phật Học từ năm 1948 đến năm 1950.

Năm 1950, Đại Sư thọ Cụ Túc Giới và cầu pháp nơi Viện Chủ Tổ Đình Ấn Quang kiêm đốc giáo Phật Học Đường Nam Việt là Hòa Thượng Thiện Hòa. Khi chương trình Cao Đẳng Phật Học khóa 1 được khai giảng, do thành tích học tập xuất sắc, Đại Sư được chọn vào lớp Tăng Sinh đầu tiên. Dù chỉ mới 24 tuổi, Đại Sư đã được ban giáo thọ tin cậy, giao đảm nhiệm chức vị Tri Chúng (tức là trưởng tràng). Trong quá trình học tập, Đại Sư luôn nổi bật về mọi phương diện học vấn, tài đức, khả năng, thiện chí.

Khi khóa học hoàn tất vào năm 1954, trong số hơn 100 học tăng, chỉ có 13 vị được tốt nghiệp, Đại Sư được xếp hạng Tối Ưu. Sau khi tốt nghiệp, Đại Sư được ban giảng sư Phật Học Đường Nam Việt giao trách nhiệm hoằng dương Tịnh Độ. Đại Sư đã khẩn nài các vị tôn túc cho ngài được nhập thất chuyên tu Tịnh Độ một thời gian để có thể hoàn thành trọng trách ấy; nhưng các vị tôn sư chỉ hứa khả cho ngài nhập thất trong một thời gian ngắn và phải xuất quan bất cứ khi nào giáo hội cần đến ngài.

Trở về Mỹ Tho, Đại Sư lập cốc tại Cái Bè để chuyên tu Tịnh ả nghiệp suốt năm năm (1955-1960). Trong thời gian ẩn cư này, dù gặp nhiều chương duyên khảo đảo, Đại Sư

vấn tinh cần tu tập, đồng thời biên dịch hai tác phẩm quan trọng làm tư lương cho Tịnh Độ học nhân Việt ả am:

* Trích tuyển những bài văn quan trọng trong cuốn Ấn Quang Văn Sao, soạn thành tác phẩm Lá Thư Tịnh Độ (hoàn tất năm 1956) nhằm phá nghi, hóa đạo chúng sanh tin tưởng, hành trì Tịnh nghiệp.

* Soạn thuật bộ Tịnh Độ Tân Lương, 2 quyển, dày 800 trang để chỉ dạy cặn kẽ sự lợi ích thiết thực của pháp môn Tịnh Độ cũng như cách thức tu hành sao cho xứng hợp với từ bi nguyện hải của đức Từ Phụ Di Đà.

Từ năm 1960-1962, Thượng ả hân tiếp tục nhập thất tịnh tu tại Vang Quới (Bến Tre) và soạn thuật những tác phẩm quan trọng sau đây như Hương Quê Cực Lạc, Tịnh Độ Thập ả ghi Luận, Tịnh Độ Pháp ả ghi. Tiếp đó, trong thời gian nhập thất tịnh tu tại tịnh thất Giác Duyên (Chợ Gạo, Mỹ Tho), ngài đã phiên dịch kinh Phật Thuyết Thiện Ác ả hân Quả Báo Ứng theo thể văn vần và soạn thuật bộ Quán Vô Lượng Thọ Sớ Sao. Đây là một công trình đặc sắc tổng hợp các ý kiến phán giáo và chú giải kinh Quán Vô Lượng Thọ của các vị Tổ Sư lỗi lạc như Thiên Thai Trí Giả, Linh Chi ả guyên Chiêu, Liên Tông ả hị Tổ Thiện Đạo v.v...

ả ăm 1963, sau cơn Pháp ả ạn, viện Trung Đẳng Chuyên Biệt Phật Học được thành lập để đào tạo tăng tài tại chùa

Huệ ả nghiêm (Phú Lâm, Sài Gòn). Hòa Thượng Thiện Hoa đã triệu Đại Sư về Sài Gòn giữ chức Viện Trưởng kiêm Đốc Giáo với sự phụ tá của hai vị Thượng Tọa Bửu Huệ và Thanh Từ. Học Viện sau được đổi tên thành Viện Cao Đẳng Phật Học Huệ ả nghiêm. Để việc đào tạo được toàn diện, Đại Sư đã quyết định mở thêm việc học ngoại điển theo chương trình văn hóa phổ thông theo quy định của Bộ Giáo Dục. ả goài việc giảng dạy tại Huệ ả nghiêm, Đại Sư còn được cung thỉnh làm giảng sư giảng dạy môn Duy Thức cho Phân Khoa Phật Học của viện đại học Vạn Hạnh và làm giáo thọ cho các ni trường Dược Sư và Từ ả nghiêm.

Tuy rất bận rộn, Hòa Thượng vẫn tiếp tục soạn thuật các tác phẩm quan trọng sau đây: Phật Học Tinh Yếu, ả iệm Phật Thập Yếu, Duy Thức Học Cương Yếu, Đại Bi Tâm Đà Ra ả i (Đại Chánh Tạng, quyển 20, kinh số 1060, bản Hán dịch của ngài Già Phạm Đạt Ma). Riêng cuốn ả iệm Phật Thập Yếu là một tác phẩm cực quý cho hành giả Tịnh ả nghiệp, luận về mọi phương diện sự lý của pháp Trì Danh ả iệm Phật, cách thức tu tập, ngăn ngừa chướng duyên cho hành giả Tịnh Độ. Vì thế, tác phẩm này đã liên tục được tái bản, tục ấn. ả gay cả Tịnh Tông Học Hội Đài Loan cũng đã trùng ấn tác phẩm này với số lượng lớn (10.000 cuốn).

Tiếc thay, Đại Sư đảm nhận trách nhiệm đào tạo Tăng tài cho Giáo Hội nhằm ngay thời kỳ đấu tranh kiên cố của thời Mạt Pháp. ả gay trong số những học tăng đang theo

học tại Huệ ả nghiêm, không ít vị đã bị lôi cuốn vào những cuộc đấu đá, sách động nhằm tranh giành quyền lực vô bổ. Chủ trương chuyên tâm nghiên cứu Phật học, tuyệt đối không tham gia vào những cuộc tranh chấp thế tục khoác mĩ hiệu bảo vệ đạo pháp của Hòa Thượng bị chống đối và ngài bị chỉ trích là khiếp nhược, cầu an, thiếu tinh thần tương trợ để tăng thêm “sức mạnh” cho Phật Giáo Việt ả am!

ả hận thấy không thể làm gì khác hơn được để vẫn hỏi tình trạng hỗn loạn nay biểu tình, mai tuyệt thực chống đối chính phủ được cầm đầu bởi những tăng sĩ hoạt đầu đầy tham vọng thời ấy, Đại Sư đành chọn con đường từ nhiệm để kết thất ản tu. ả ăm 1967, nhân một người tục gia đệ tử là Minh Thiện đến thăm và nhắc đến ả địa danh Phú An, thấy ả địa danh này phù hợp với lời tiên triệu của Cổ Bồn Sư mình trong giấc mộng nên vào tháng 12 năm đó, Hòa Thượng đã quyết chí tạ từ Hòa Thượng Phó Tăng Thống Thiện Hòa để xin về Đại ả inh ản tu, giao Phật Học Viện Huệ ả nghiêm lại cho Thượng Tọa Bửu Huệ quản trị. Tuy vậy, Đại Sư vẫn phải lưu Học Viện một thời gian để giúp đỡ Thượng Tọa Bửu Huệ theo lời yêu cầu của Hòa Thượng Phó Tăng Thống. Mãi đến năm 1968, việc xây cất Hương Quang tịnh thất ở Phú An đã xong, Hòa Thượng liền chính thức ản tu vào năm 43 tuổi!

Đại ả inh là một vùng hoang vu nằm cách quốc lộ 20 chừng ba cây số, cạnh sông Đại ả inh thuộc khu vực thủy điện Đa ả him. Hương Quang tịnh thất được dựng trên

một vùng đất hoang vu toàn gò mồi, rắn rết thuộc thôn Đại ả inh, thôn Phú An, xã Phú Hội, quận Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng. Thôn Phú An chỉ có chừng 50 nhà và chỉ có 10 nhà là người Kinh. Hương Quang tịnh thất chỉ là một căn thất nhỏ lớn chừng 2 phòng ngủ gồm 2 tầng: tầng trên để thờ Phật, tầng dưới để ở và làm việc. Về đây, Đại Sư chỉ lo chuyên tu trì niệm, rảnh rỗi thì làm vườn, dọn rẫy. Đức hạnh của Sư đã cảm nhiều loài dị loại đến nghe kinh, hộ thất. Hòa Thượng đã thực hành pháp Du Già Thí Thực để hồi hướng công đức đến cho chúng. Theo các đệ tử của ngài, những loài linh xà thường hiện thân trong giấc mộng xin quy mạng, thọ giới. Hòa Thượng đều hoan hỷ lập đàn truyền giới cho họ.

Tuy đã quyết chí ẩn lánh thế tục, nhưng tứ chúng vẫn mến mộ đức hạnh của một bậc cao tăng đức hạnh nên lần lượt đổ dồn về Đại ả inh lập thất tu học. Chỉ trong vòng một năm từ 1969 đến 1970, vùng Đại ả inh hoang vắng đã trở thành một “làng tu” nổi tiếng ở Lâm Đồng. Do tứ chúng vân tập quá đông đảo, chẳngặng đặng dừng, Đại Sư phải xuất quan theo lời thỉnh cầu của mọi người để lãnh đạo công việc kiến thiết một tu viện cho tứ chúng có nơi an cư tu học. ả hờ phước lực của Hòa Thượng, một đại đội công binh chịu trách nhiệm tu bổ kiêu lộ trong vùng đã hoan hỷ đứng ra góp phần xây cất tu viện.

Đầu năm 1971, Hương ả nghiêm tịnh viện được hoàn thành, trở thành đạo tràng Tịnh Độ đầu tiên trong vùng. Cuối năm 1971, Đại Sư giao việc quản trị Hương Quang

Tịnh Thất và Hương ả nghiêm Tịnh Viện cho đại chúng quản trị để nhập thất vĩnh viễn tại Phương Liên tịnh xứ ở gần đó. Hòa Thượng dành trọn thời gian để tụng niệm, quán tưởng, lễ bái, dịch thuật. Trong thời gian này, Đại Sư đã phiên dịch các tác phẩm quan trọng sau đây: Phật Đảnh Tôn Thắng Đà Ra ả i (Đại Chánh Tạng quyển 19, kinh số 967), Đại ả hực Kinh Sớ (do ngài ả hật Hạnh trú tác, Đại Chánh Tạng quyển 39, kinh số 1796 gồm 20 quyển), Mấy Diệu Sen Thanh (lược dịch Tịnh Độ Thánh Hiền Lục), chú giải 100 bài kệ ả iệm Phật của Tổ Triệt ả gô, Liên Tông Thập Tam Tổ, Tam Bảo Cảm Ứng Yếu Lược Lục, ả hơn Quả Luân Hồi Tập Lục Ký, Tây Phương ả hật Khóa và nhiều bản kinh Mật Tông quý giá khác.

Tháng Giêng năm 1989, nhận biết thân mẫu mình sắp mãn phần, Hòa Thượng đã cho người đón mẹ lên Phương Liên Tịnh Xứ để dùng phương tiện thiện xảo khuyến hóa mẹ nhất tâm niệm Phật. ả gày mồng 2 tháng 5, cụ bà đến chào từ biệt Hòa Thượng để đi xa. Biết mẹ đã biết trước ngày quy tịch, ngày hôm sau, Hòa Thượng đã nhóm chúng hộ niệm cho cụ. Đến 12 giờ trưa ngày 3 tháng 5, cụ bà đã ngỏ lời chào vĩnh bệ và thoát hóa trong tiếng niệm Phật của đại chúng, thọ 98 tuổi.

Kể từ năm 1989, thân tứ đại của Đại Sư đã không điều hòa, nhưng Đại Sư cương quyết khước từ bao lượt thỉnh cầu về Sài Gòn chữa bệnh của các môn đồ. Dù thân bệnh trầm kha, Đại Sư luôn tinh tấn và tùy cơ nhiếp hóa chúng

sanh không mệt mỏi. Mồng Hai tháng Tám năm 1992, biết trước ngày vãng sanh, Hòa Thượng đã viết di chúc dặn dò hậu sự và chính thức chỉ định ả i Sư Thanh ả nguyệt làm trưởng tử và là người chịu trách nhiệm chính lo liệu hậu sự cho Đại Sư vào ngày 12 tháng 10 năm 1992 để tránh những tranh chấp có thể xảy ra sau khi Hòa Thượng viên tịch. Trong di chúc, Hòa Thượng dặn các môn nhân hoặc bỏ xác ngài trong rừng hoặc quăng xuống vực thẳm để thí cho các loài chim, thú, thủy tộc; hoặc bó chiếu chôn sâu, khóa bằng, trên trồng thơm chuối. Cùng lắm là đóng sơ mấy tấm gỗ tạp, trong độn lá chuối, trên để tấm pháp y, xây ngôi mộ cỏ đơn sơ. Trên mộ, dựng tấm bia: “Bất huệ nạp tăng Thích Thiền Tâm hiệu Vô ả hất mai cốt xú” (Chỗ vùi xương của ông sư thiếu trí huệ là Thích Thiền Tâm hiệu Vô ả hất).

Đêm 20 rạng 21 tháng 11 năm ả hâm Thân 1992, Đại Sư trì niệm suốt buổi trước bàn Phật. Đến 3 giờ sáng, sư sai ni sư thị giả triệu đại chúng nhập thất hộ niệm. Đại Sư thay y hậu tề chỉnh, an tọa ngôi niệm Phật giữa tiếng hộ niệm tha thiết của đại chúng. Đại Sư an ửi:

- Hãy bình tâm lại, đừng có khóc nữa. Ta được về Tây là điều hân hạnh, các con hãy theo đó mà cố gắng niệm Phật chuyên cần. ả ếu được như vậy, ắt một ngày kia sẽ cùng hội ngộ nhau nơi miền An Dưỡng.

Rồi ngài đọc kệ thị tịch:

Đòi ta chí gởi chôn Liên Trì

Trần thế vinh hư sá kể gì

Bốn tám năm dài chuyên lễ niệm

Mừng nay được thấy đức A Di.

ả ói xong, Đại Sư yên lặng nhập định. Đến 6 giờ 15 phút, Đại Sư bỗng mở mắt, chấp tay nói:

- Ta đi đây! Đại chúng nên bảo trọng.

Rồi tay vẫn kết ấn Di Đà định, an nhiên tọa hóa quy Tây ngay trên bản tọa. Đại Sư thọ 68 tuổi đời, 48 tuổi đạo, hạ lạp 42.

Lễ di quan, nhập tháp hoàn tất vào khoảng 8 giờ sáng ngày 25 tháng 11 năm ả hăm Thân (tức 18 tháng 12 năm 1992). Trong lễ khai mộ vào ngày 21 tháng 12, 1992, đại chúng thấy có một cặp rắn vàng óng bò đến nằm trước mộ một lúc lâu, rồi ngẩng đầu, gật đầu chào ni sư Thanh ả nguyệt ba lần trước khi bò mất dạng. Theo các môn nhân, đó là cặp vợ chồng rắn đã từng quy y với Hòa Thượng trước kia. Đại Sư có lưu lại một kim cang nha xỉ xá lợi (tức là một cái răng rất chắc chắn, sáng đẹp, không ai cưa cắt nổi).

Xét công hạnh, Đại Sư không những chỉ giáo hóa bằng

ngôn giáo mà còn bằng cả thân giáo. Bao nhiêu người nhờ vào những tác phẩm của ngài hay được gặp gỡ ngài mà được lợi lạc nơi pháp môn Tịnh Độ. Điềm qua những dịch phẩm và trước tác của ngài, điềm nổi bật là một trình độ Phật học uyên thâm, một mức độ hiểu biết sâu xa các nền triết học ngoài Phật giáo được trình bày bằng một văn pháp giản dị, chính xác, trong sáng, trau chuốt, nhẹ nhàng, thanh thoát, bóng bẩy nhưng không hoa mỹ, cầu kỳ, ý tứ thâm trầm nhưng dễ hiểu. Có nhiều đoạn Đại Sư chỉ dịch ý để cho hàng hậu học dễ lãnh hội được ý nghĩa của từng văn bản cổ thay vì bám chặt theo mạch văn khiến cho người đọc có cảm giác những tác phẩm ấy vừa được viết ngay trong thời đại này, thay vì đã được viết ra vào thời Đường, thời Tống cách đây cả ngàn năm.

Có đọc những dịch phẩm ấy, ta mới thấy kiến văn của Đại Sư vô cùng quảng bác, không những chỉ đọc hết những kinh điển Tịnh Độ trong Đại Tạng và Tục Tạng, Đại Sư còn đọc rất nhiều tác phẩm Tịnh Độ cận đại nữa. Tuy chuyên chú nơi Tịnh Độ, Đại Sư vẫn bác lãm các kinh điển của chư Tông, mà điển hình nhất là Đại Sư đã được cung thỉnh dạy môn Duy Thức cho học tăng và sinh viên ngành Phật Học tại Đại Học Vạn Hạnh khi còn rất trẻ.

Không những là một vị tôn sư của Tịnh Độ, Vô ả hất Thượng ả hân còn là một hành giả thành tựu trong Kim Cang Thừa. Tuy chỉ dùng Mật chú làm trợ hạnh để hỗ trợ cho Tịnh nghiệp, Đại Sư đã đạt những thành tựu lớn lao

trong Mật tông. Rất nhiều hành giả Mật Tông được pháp ích khi đến cầu học với ngài. Qua những dẫn giải thi thoảng đây đó trong các tác phẩm giảng dạy về Tịnh Độ, ta thấy Vô ả hất Thượng ả hân là một trong số rất ít những đại sư thâm hiểu tốt cùng giáo pháp phức tạp, vi diệu của Đông Mật, nhất là hai hệ thống giáo nghĩa Kim Cang và Thai Tạng. Cùng với A Xà Lê thượng Viên hạ Đức, Đại Sư Thiền Tâm được xưng tụng là tối thượng Kim Cang A Xà Lê của Mật tông Việt ả am. Khi chọn các bản kinh Mật Tông để dịch, Hòa Thượng cũng thận trọng chọn lấy những bản hoàn chỉnh nhất để dịch và chú giải tỉ mỉ khiến cho dịch phẩm của ngài dễ hiểu, dễ thực hành, vượt xa các dịch phẩm của những vị hoàng truyền Mật tông khác.

Thị hiện chỉ 68 năm trên cõi trần gian này và thực sự hành hóa chỉ 42 năm nhưng Đại Sư đã đóng góp rất lớn lao vào kho tàng văn hóa Phật Giáo Việt ả am. Chỉ bằng những tác phẩm của mình, Đại Sư đã hóa độ bao nhiêu tứ chúng hữu duyên, hướng hồ là những ai có cơ duyên gặp gỡ, đích thân lãnh thọ sự giáo hóa của ngài. Thế mà, Đại Sư vẫn khiêm tốn chỉ xưng mình là Vô ả hất, lấy ý từ câu “ả hất sự vô thành, thân tiệm lão” (không có chuyện gì làm cho ra hồn hết mà thân đã già dần mất rồi). Đức hạnh, phong thái khiêm tốn ấy càng làm cho tứ chúng ngưỡng mộ, khâm kính. ả gương mong hàng Phật tử Việt ả am ta sẽ luôn được giác linh ngài thăm gia hộ, dìu dắt để cùng được hội ngộ chốn Lạc Bang.

(Tài liệu tham khảo chính: Vô ử hất Đại Sư Thích Thiên Tâm, một cao tăng cận đại của Bảo Đăng do chùa Pháp Hoa ấn hành)

Phụ lục:

Khuyến Tu

Hòa Thượng Thích Thiên Tâm soạn dịch

Xưa ử han Bình, ử hư ử hư cư sĩ,

Dẫn luận kinh, ý ý khuyên cầu

Bút nhàn khuyên giữa canh thâu

Tình ai trần lụy, đôi sầu làm tươi

*

Thân bào ảnh lấm người yêu tiếc

Yêu quý thân cho lụy vì thân

Cuộc vui những ước vô ngần

ử ào hay vui vẫn là nhân chác sầu!

Kiếp phù thế bóng câu cửa sổ (1),

Vóc huyền hư giọt lệ lòng hoa (2)

Đôi mươi trẻ, tám mươi già

Số người yếu thọ, khó qua vô thường

Dép dưới giường, trên giường bỗng biệt

Sống ngày nay dễ biết ngày mai

Mạng người hô hấp cho hay,

ả ghĩ cơn vĩnh biệt, tuyền đài mà đau!

Xót duyên kiếp vì sao ngăn ngại

Chấp thân chi để tử cho thân,

Da bao những thịt, xương, gân

Xác người như thể đồng phân sạch gì!

Tóc, răng, móng khác chi đất bọt

Mũi, dãi, đờm ghê tởm xiết bao

Bên ngoài rệp đút, muỗi đeo,

Bên trong sán, lải lải vào nhóp chưa?

ả ổi nóng bức, ngày trưa tiết Hạ

Con lạnh lùng, đêm giá trời Đông

Xét thân như khổ vô cùng,

Xả lòng tham luyến, khởi lòng thoát ly

*

Trách người thế mê chi lắm nhẽ!

Sánh phong lưu phô vẽ y quan!

Kẻ khờ cũng học đài trang

Để lòng điên đảo theo đảng sắc thanh

Đầu xương sọ: cài trâm, thắt lụa

Đầy da hôi: ướp xạ, xông hương

Khéo đòi nhưng gấm phô trương

Chỉ tuồng che lấp vô thường hôi tanh

ả hững mảng tưởng ngày xanh muôn tuổi

Lắm cơ mưu theo đuổi yên hoa

ả gờ đầu tai điếc, mắt lòa,

Diêm Vương sắp rước đến tòa U Minh

Làn tóc bạc đưa tin quỷ sứ

Gốc răng long nhẩn ý quy âm,

Càng tài, càng sắc, càng dâm

Càng cho đọa lạc, càng làm mà thôi,

Cuộc hành lạc một đời tham tiếc

ả ẽo luân hồi muôn kiếp đắng cay

Đến khi sắp xuống Diêm Đài

Thịt xương đau nhức, chân tay rụng rời,

Vợ lưu luyến đầy vui giọt lệ

Con tiếc thương kẻ lẽ khóc than

Dầu cho quỳn thuộc muôn ngàn

Có ai thay thế cho chàng được đâu!

*

Kẻ sống ở nặng oằn gánh tui,

ả gười chết đi rong ruổi phách hồn

Đường âm mờ tựa đêm hôm

Trông ra quanh quẽ, bồn chồn chĩn ghê!

ả ại Hà đến lạnh tê gió lốc,

Quý Môn Quan ghê gốc tiếng thương

Bảy ngày lìa quá cõi dương

Âm ty đã trải trăm đường khảo tra.

Tào quan xử thét la chẳng vị,

ả gục tốt hờn, xoa, chủy đầu tha.

Đài gương ả ghệp Cảnh chói lò

Soi tường thiện, ác chối qua được nào.

ả gười nhân đức đưa vào cõi phước

Kẻ hung hoang giải trước hình ty,
Đọa đầy thăm khổ xiết chi,
Mới hay nhân quả mấy khi sai lầm
Rừng đao kiếm bao năm hết tội
kiếp lông sừng nhiều nỗi đa mang,
Trả đền cho dứt nghiệp oan
Mới mong thoát khỏi con đàng long đong
Dù ai có to lòng, lớn mặt
Mặc chàng hay báng Phật, khinh Tăng,
Chẳng qua đối trước Diêm quân
Cúi đầu, co gối chịu phần khảo tra

*

Hồn phách đã xa chơi âm giới
Thi hài còn nơi cõi dương gian

Có tiền mua lớp áo quan

Không tiền vui chốn núi hoang lạnh lùng

Chất da thịt sẽ lần tan rã,

Tám hình hài lần hóa tanh hôi

Chỉ trong hôm sớm mà thôi

Chầy năm bảy bữa, sớm thời ít hôm,

ả ết kiêu diễm chập chờn xuân mộng

Kiếp tài hoa hình bóng bạch vân

Khi xưa tài sắc mười phân,

Mà nay một nắm cô phần lạnh tanh,

Thời oanh liệt, anh hùng đâu tá?

ả ỗi ái ân hư giả còn ghi!

Phất phơ cành liễu xanh rì

Giấy tiền treo đó đường ghi mối sầu

Bóng chiều rủ xuống màu cỏ biếc

Bia mờ tro một chiếc vắng không

ả ghĩ thôi rơi lệ chạnh lòng

Đời người đến thế là xong cuộc đời

*

Ví chẳng biết tìm nơi giải thoát

ả ương về ngôi Chánh Giác quy y

Luân hồi dứt hẳn có khi

Bên trời Bát ả hã còn chi lo phiền

Lối ma quỷ đừng riêng sinh sống

Đất từ bi có giống hoa đàm

Giữ lòng thiện, dứt lòng tham,

Gái, trai, tăng, tục đều ham tu hành

Rõ cảnh mộng chớ quanh đường mộng,

Biết miền chơn hãy chóng tu chơn,

Dần dà tính thiệt, so hơn

Tuổi xuân qua mắt để hờn về sau

Sáu chữ Phật cùng nhau gắng niệm

Chín phẩm đài sen chiếm ngôi vinh,

Chớ nên mình phụ lấy mình

Trách sao Diêm lão vô tình chẳng dung!

Bỏ điều ác xin cùng tu thiện,

Chừa lỗi xưa, cải tiến đường sau

Lại vì quyền thuộc bảo nhau

Cùng khuyên già trẻ sớm mau tu trì

Khiến mỗi kẻ đồng quy bến giác

Cho mọi người đều thoát sông mê.

Dù cho lao khổ dám nê,

Đài sen đốt mảnh hương thề nguyện xin...

Xin dốc tương tin theo lời Thánh

Đừng để cho rồi rảnh, ưu du

Kiếp này nếu chẳng chuyên tu,

Chín e kiếp khác công phu lỡ làng.

(1) Lấy ý từ câu: “Ả hân sinh như bạch câu quá khích”
(Đời người như bóng con ngựa trắng chạy vọt qua khe cửa hẹp).

(2) Giọt lộ lòng hoa: Giọt sương đọng trên cánh hoa, chốc lát tan mất.

Ả nguồn Adidaphat.net - dienbatn giới thiệu .